

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 398 /QĐ-ĐHTM-HĐTS

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

*V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa
đợt 2 năm 2025 khu vực miền Bắc*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHTM ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Đề án tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 21/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học thương mại về việc Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 2 năm 2025 khu vực miền Bắc;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 354 thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 2 năm 2025 khu vực miền Bắc, trong đó:

- Ngành Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh): 76 thí sinh;
- Ngành Marketing (chương trình đào tạo Marketing thương mại): 71 thí sinh;
- Ngành Thương mại điện tử (chương trình đào tạo Quản trị Thương mại điện tử): 72 thí sinh
- Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng): 88 thí sinh;

- Ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế): 47 thí sinh.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thí sinh có tên tại Điều 1 thực hiện nhập học theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025; Trường các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẮNG

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Đại học

(Kèm theo Quyết định số 398/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 21/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	A056	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	31/10/2001	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
2	A041	Phù Minh Đăng	Nam	28/03/2000	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quản trị kinh doanh	
3	A076	Nguyễn Minh Đức	Nam	20/10/1999	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
4	A077	Nguyễn Bá Duy	Nam	12/08/2002	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
5	A032	Hà Xuân Huy	Nam	11/12/2001	Đại học	Trường Đại học Điện lực	Quản trị kinh doanh	
6	A042	Hồ Thị Bích Thảo	Nữ	09/10/1996	Đại học	Trường Đại học Quảng Bình	Quản trị kinh doanh	
7	A031	Lê Thị Tình	Nữ	15/07/1987	Đại học	Trường Đại học Dân lập Phương Đông	Quản trị kinh doanh	
8	A020	Nguyễn Đình Trường	Nam	21/11/2000	Đại học	Trường Đại học Điện lực	Quản trị kinh doanh	
9	A043	Nguyễn Xuân Trường	Nam	01/04/1988	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quản trị kinh doanh	
10	A003	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	23/01/2001	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quản trị kinh doanh	
11	C072	Nguyễn Thị Dung	Nữ	21/03/1993	Đại học	Viện Đại học Mở Hà Nội	Marketing	
12	C009	Võ Tiến Duy	Nam	07/11/1996	Đại học	Học viện Hậu cần	Marketing	
13	C069	Đinh Quang Khải	Nam	13/03/2001	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Marketing	
14	C030	Phạm Phúc Yến Nhi	Nữ	15/04/2002	Đại học	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	Marketing	
15	C017	Đàm Hiểu Phương	Nữ	02/11/2000	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Marketing	
16	C055	Nguyễn Nam Phương	Nam	29/07/1996	Đại học	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Marketing	
17	C056	Trần Thu Phương	Nữ	20/12/1992	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Marketing	
18	C070	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	04/06/1998	Đại học	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Marketing	
19	C071	Đỗ Thị Thảo	Nữ	05/09/2002	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Marketing	
20	C054	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	01/09/1997	Đại học	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội	Marketing	
21	C008	Vũ Thị Anh Tú	Nữ	29/12/1999	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Marketing	
22	I055	Phạm Huy Bình	Nam	11/10/1994	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Thương mại điện tử	
23	I023	Đoàn Thị Thu Hằng	Nữ	26/06/1979	Đại học	Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Thương mại điện tử	
24	I048	Trịnh Văn Hùng	Nam	20/12/1998	Đại học	Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	Thương mại điện tử	
25	I033	Trần Vũ Nhật Mai	Nữ	04/04/2002	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Thương mại điện tử	
26	LQ015	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	03/11/2003	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
27	LQ016	Đặng Thúy Bình	Nữ	22/06/1999	Đại học	Học viện Ngân hàng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
28	LQ052	Ngô Thị Linh Chi	Nữ	14/07/1997	Đại học	Học viện Ngân hàng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
29	LQ087	Hoàng Thị Hà	Nữ	25/08/1986	Đại học	Trường Đại học Ngoại thương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
30	LQ053	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	13/09/2000	Đại học	Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
31	LQ077	Lê Đức Hiền	Nam	22/12/1992	Đại học	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
32	LQ026	Nguyễn Văn Hiệu	Nam	28/11/2000	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
33	LQ085	Phạm Quang Huy	Nam	1/9/1998	Đại học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
34	LQ063	Bùi Thị Linh	Nữ	10/09/2002	Đại học	Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
35	LQ028	Nguyễn Thị Loan	Nữ	03/01/1999	Đại học	Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
36	LQ041	Lại Phúc Long	Nam	31/01/2002	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
37	LQ042	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	23/08/2001	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
38	LQ039	Nguyễn Duy Minh	Nam	21/11/2000	Đại học	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
39	LQ084	Lê Như Nam	Nam	18/01/1975	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
40	LQ025	Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	19/10/2002	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
41	LQ054	Đặng Thị Thùy Ninh	Nữ	27/10/2000	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
42	LQ040	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	04/05/1994	Đại học	Viện Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
43	LQ073	Trần Chi Phương	Nữ	15/07/2001	Đại học	Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
44	LQ066	Trịnh Như Quỳnh	Nữ	18/03/2002	Đại học	Trường Đại học Thăng Long	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
45	LQ064	Nguyễn Đức Sâm	Nam	14/06/1996	Đại học	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
46	LQ027	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	31/10/2002	Đại học	Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
47	LQ065	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/11/2002	Đại học	Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
48	LQ038	Nguyễn Ngọc Tĩnh	Nam	06/11/1988	Đại học	Trường Đại học Lương Thế Vinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
49	LQ024	Nông Văn Toàn	Nam	30/08/1989	Đại học	Viện Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
50	LQ088	Nguyễn Thị Trang	Nữ	05/09/1995	Đại học	Trường Đại học Thủy Lợi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
51	LQ086	Chu Thị Hồng Vân	Nữ	05/06/1998	Đại học	Trường Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
52	P006	Dương Cường Anh	Nam	05/01/1985	Đại học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Luật kinh tế	
53	P011	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	16/07/2002	Đại học	Học viện Tài chính	Luật kinh tế	
54	P036	Vũ Mạnh Cường	Nam	30/04/2002	Đại học	Học viện Hậu cần	Luật kinh tế	
55	P024	Phạm Thế Đạo	Nam	15/07/1991	Đại học	Trường Đại học FPT	Luật kinh tế	
56	P043	Trần Quang Điện	Nam	04/04/1996	Đại học	Trường Đại học Duy Tân	Luật kinh tế	
57	P010	Lê Thị Diệp	Nữ	20/05/2001	Đại học	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Luật kinh tế	
58	P035	Đỗ Thùy Dung	Nữ	29/01/2000	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
59	P046	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	25/07/1985	Đại học	Trường Đại học Đông Đô	Luật kinh tế	
60	P002	Nguyễn Thị Hà	Nữ	22/03/1990	Đại học	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế	
61	P020	Nguyễn Phương Lan	Nữ	07/12/1983	Đại học	Học viện Ngân hàng	Luật kinh tế	
62	P022	Vũ Thuý Linh	Nữ	07/02/2000	Đại học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Luật kinh tế	
63	P032	Nguyễn Hoàng Long	Nam	20/02/2002	Đại học	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Luật kinh tế	
64	P045	Cao Thị Thanh Lương	Nữ	10/11/1987	Đại học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Luật kinh tế	
65	P016	Đinh Hải Nam	Nam	05/08/1996	Đại học	Trường Đại học Công đoàn	Luật kinh tế	
66	P018	Nguyễn Thị Nết	Nữ	20/05/1992	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
67	P031	Nguyễn Thanh Nga	Nữ	07/09/1987	Đại học	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế	
68	P019	Phan Thị Thanh Nhân	Nữ	05/11/1997	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
69	P040	Hà Văn Phi	Nam	21/02/1991	Đại học	Trường Đại học Đà Lạt	Luật kinh tế	
70	P017	Hà Thị Thu	Nữ	27/04/1993	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Luật kinh tế	
71	P005	Đặng Ngọc Thùy	Nữ	22/06/1982	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
72	P044	Vũ Duy Tiếp	Nam	04/09/1989	Đại học	Trường Đại học Thủy Lợi	Luật kinh tế	
73	P009	Đỗ Thị Trang	Nữ	24/04/1994	Đại học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Luật kinh tế	
74	P037	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	06/06/2000	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Luật kinh tế	
75	P021	Trần Cẩm Tú	Nữ	08/09/1983	Đại học	Học viện Ngân hàng	Luật kinh tế	

(Danh sách gồm 75 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC**

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Cao đẳng

(Kèm theo Quyết định số 398/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 21/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
1	A055	Hồ Hồng	Anh	Nữ	21/09/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	8,77	
2	A012	Đỗ Hoàng	Long	Nam	02/12/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,90	
3	A074	Trịnh Anh	Tuấn	Nam	26/07/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,70	
4	A038	Đỗ Văn	Son	Nam	06/03/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Bách khoa	Quản trị kinh doanh	7,50	
5	A040	Tô Văn	Tài	Nam	08/07/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,50	
6	A039	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	03/03/2000	Cao đẳng	Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Quản trị kinh doanh	7,22	
7	A075	Hà Quang	Quý	Nam	29/12/2001	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,20	
8	A030	Lê Công	Tiến	Nam	19/05/1991	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Hàng hải I	Quản trị kinh doanh	7,15	
9	A019	Tạ Thị	Hiên	Nữ	17/07/1995	Cao đẳng	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	6,86	
10	A073	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/11/1987	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương	Quản trị kinh doanh	6,82	
11	A029	Nguyễn Thuý	Trang	Nữ	17/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,63	
12	A078	Hoàng	Long	Nam	16/07/1973	Cao đẳng	Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật công binh	Quản trị kinh doanh	6,33	
13	C047	Đào Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/12/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Marketing	8,60	
14	C053	Trần Phương	Linh	Nữ	28/08/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	8,60	
15	C039	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Nữ	01/02/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	8,60	
16	C006	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	11/05/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Marketing	8,16	
17	C016	Hoàng Thị	Đan	Nữ	23/07/2000	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Marketing	8,09	
18	C044	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	19/09/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Marketing	7,91	
19	C046	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	19/06/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,90	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
20	C045	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	09/11/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Marketing	7,77	
21	C040	Phạm Thị Ngọc Khánh	Nữ	14/03/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Marketing	7,73	
22	C042	Nguyễn Đức Thắng	Nam	01/10/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Truyền hình	Marketing	7,71	
23	C060	Đinh Tấn Dũng	Nam	01/11/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,70	
24	C038	Phạm Quang Tùng	Nam	25/11/2001	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,70	
25	C052	Phạm Thế Hải	Nam	03/08/2001	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,60	
26	C041	Bùi Quang Duy	Nam	10/08/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội	Marketing	7,50	
27	C061	Bùi Gia Khánh	Nam	11/10/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,50	
28	C029	Nguyễn Văn Việt	Nam	12/03/2002	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Marketing	7,50	
29	C028	Nguyễn Thị Hà	Nữ	05/07/1993	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Marketing	6,93	
30	C007	Hoàng Thị Vân Anh	Nữ	30/04/1992	Cao đẳng	Trường Đại học Điện lực	Marketing	6,78	
31	C043	Phạm Thị Nhung	Nữ	12/09/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội	Marketing	6,70	
32	I071	Trần Thu Lan	Nữ	11/11/2006	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Thương mại điện tử	8,41	
33	I054	Nguyễn Hữu Nam Anh	Nam	31/03/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,40	
34	I060	Lò Thị Khánh Vân	Nữ	15/03/2001	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,30	
35	I072	Tạ Thị Ngọc Lý	Nữ	19/04/2001	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công nghệ Việt Nam	Thương mại điện tử	8,23	
36	I018	Bùi Cao Hằng	Nữ	12/09/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,20	
37	I012	Kiều Thị Thu Trang	Nữ	17/01/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,10	
38	I052	Tường Duy Anh	Nam	02/11/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
39	I009	Nguyễn Trung Sơn	Nam	22/05/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,00	
40	I015	Vũ Thanh Thảo	Nữ	13/12/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
41	I008	Trịnh Anh Thư	Nữ	25/09/2005	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,00	
42	I047	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	17/06/1995	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên	Thương mại điện tử	7,82	
43	I019	Nguyễn Thị Mai	Nữ	24/03/1986	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	Thương mại điện tử	7,77	
44	I017	Đặng Thị Thuý Ngân	Nữ	22/01/1991	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ	Thương mại điện tử	7,75	
45	I038	Nguyễn Minh Chiến	Nam	27/07/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
46	I074	Lê Minh Nghĩa	Nam	06/02/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
47	I014	Tổng Khánh Ly	Nữ	24/10/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
48	I073	Lê Bá Đức Anh	Nam	13/06/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,50	
49	I053	Nguyễn Phúc Lâm	Nam	16/06/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Thương mại điện tử	7,34	
50	I040	Phạm Quang Tiến	Nam	13/12/2001	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,30	
51	I027	Đỗ Thái Bình	Nam	13/05/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,10	
52	I065	Nguyễn Việt Dương	Nam	17/11/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,10	
53	I032	Dương Minh Anh	Nữ	21/01/2005	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,00	
54	I028	Đặng Thuý Ngọc	Nữ	29/06/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Thương mại điện tử	7,00	
55	I056	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nữ	04/12/1991	Cao đẳng	Học viện Ngân hàng	Thương mại điện tử	6,93	
56	I075	Hoàng Duy Quang	Nam	03/07/2000	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	6,30	
57	I039	Trần Trung Đức	Nam	07/11/1993	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	Thương mại điện tử	6,06	
58	LQ023	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	12/07/2000	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	9,20	
59	LQ76	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	18/10/2003	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,70	
60	LQ036	Tạ Thu Huyền	Nữ	09/08/2003	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,20	
61	LQ083	Trần Thị Mỹ Tâm	Nữ	11/11/2002	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
62	LQ051	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	13/10/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,60	
63	LQ062	Ngô Thị Đình	Nữ	20/04/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công nghệ Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,31	
64	LQ014	Hoàng Thị Thuý	Nữ	29/09/1990	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,08	
65	LQ037	Đỗ Thị Lan	Nữ	01/04/1992	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,92	
66	LQ75	Trần Thị Phương Anh	Nữ	29/12/2004	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,90	
67	LQ035	Nguyễn Văn Huy	Nam	04/01/1995	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,80	
68	P039	Trần Quốc Bảo	Nam	30/07/1998	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Luật kinh tế	7,83	
69	P030	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	30/09/2002	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội	Luật kinh tế	7,50	
70	P008	Tô Thị Hà My	Nữ	08/09/1996	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh	Luật kinh tế	7,38	
71	P047	Hoàng Thị Diệu Thuý	Nữ	26/04/1999	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Luật kinh tế	7,00	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
72	P023	Mai Thanh Hằng	Nữ	04/01/1993	Cao đẳng	Học viện Ngân hàng	Luật kinh tế	6,96	
73	P014	Nguyễn Thanh Long	Nam	07/10/1989	Cao đẳng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	Luật kinh tế	6,61	
74	P015	Đỗ Xuân Hòa	Nam	25/10/1981	Cao đẳng	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Luật kinh tế	6,10	

(Danh sách gồm 74 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



★ GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC**

**Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(phương thức xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm THPT theo tổ hợp môn xét tuyển)**

(Kèm theo Quyết định số 398 /QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 21/13/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	A035	Phạm Đức Long	Nam	16/07/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		9,4	9,6	9,4		28,35	
2	A002	Vũ Trọng Hiếu	Nam	29/10/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		9,1	9,3	9,4		27,68	
3	A017	Thái Đình Huy	Nam	12/11/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		8,5	8,8	8,7		25,88	
4	A034	Nguyễn Thị Vân	Nữ	14/06/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,7	8,4	8,5		25,73	
5	A062	Lã Tuấn Huy	Nam	17/07/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh		8,1	8,4	9,1		25,28	
6	A007	Phạm Tuấn Sơn	Nam	28/11/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh		9,0	7,4	8,3		25,28	
7	A026	Hoàng Minh Quý	Nam	26/12/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		8,6	8,6	7,6		25,05	
8	A067	Bạch Thị Ngọc Ánh	Nữ	20/04/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		9,0	8,2	7,7		24,90	
9	A044	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	26/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh	KV2	7,4	9,2	8,7	0,16	24,69	
10	A063	Trần Trung Hiếu	Nam	17/11/1991	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,1	7,3	8,5		24,00	
11	A068	Chu Khánh Ly	Nữ	14/11/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,0	8,6	8,4		24,00	
12	A011	Bùi Tuyết Ngân	Nữ	16/06/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,9	8,0	8,1		23,93	
13	A051	Cao Văn Quang	Nam	04/12/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,5	8,2	8,5		23,78	
14	A021	Phạm Thị Ánh	Nữ	13/02/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		7,8	7,4	8,6		23,70	
15	A050	Nguyễn Đức Tuyền	Nam	07/12/1990	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,8	7,8	8,2		23,70	
16	A053	Phan Đức Chiến	Nam	30/06/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		7,5	8,0	8,3		23,48	
17	A045	Lê Nguyễn Thuý Dương	Nữ	21/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		7,6	7,7	8,3		23,40	
18	A066	Đặng Thị Thuý Thuý	Nữ	18/11/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Quản trị kinh doanh		7,4	8,2	7,6		23,20	
19	A022	Phạm Văn Cải	Nam	27/05/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		7,4	7,8	7,9		22,88	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
20	A047	Nguyễn Duy Anh	Nam	31/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,0	8,3	8,0		22,73	
21	A025	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	01/08/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,9	7,3	7,2		22,73	
22	A054	Nguyễn Thị Ninh Trang	Nữ	12/07/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		7,7	6,9	8,0		22,73	
23	A059	Ngô Duy Hoàng	Nam	17/01/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		7,5	7,8	7,3		22,58	
24	A028	Tiêu Văn Phúc	Nam	30/10/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Quản trị kinh doanh		7,6	6,9	7,9		22,50	
25	A015	Đình Công Sơn	Nam	08/11/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		6,6	8,7	7,9		22,35	
26	A046	Trần Thị Hậu	Nữ	01/03/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		7,4	7,6	6,6		21,75	
27	A049	Nguyễn Văn Giáp	Nam	22/05/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,2	7,2	7,3		21,68	
28	A023	Nguyễn Chí Phương	Nam	10/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,9	7,7	7,3		21,60	
29	A060	Phạm Đình Đại Đức	Nam	25/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		7,2	7,8	6,6		21,60	
30	A008	Dương Thanh Hoàng	Nam	03/10/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		7,2	6,7	7,6		21,53	
31	A016	Vũ Tuấn Chiến	Nam	30/01/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,8	8,1	7,0		21,53	
32	A058	Lê Trà My	Nữ	20/10/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,8	8,2	8,8		21,45	
33	A013	Vũ Hoàng Anh	Nam	25/05/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		6,6	7,2	8,1		21,38	
34	A006	Đặng Thị Thu Hoài	Nữ	03/12/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,3	8,0	7,7		21,23	
35	A072	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	25/06/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,9	7,2	6,9		21,00	
36	A048	Nguyễn Vũ Việt Hoàng	Nam	23/03/1992	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,3	7,9	7,4		20,93	
37	A005	Trần Đức Duy	Nam	18/05/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,9	6,4	7,6		20,85	
38	A037	Ngô Thị Thương	Nữ	29/11/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh		6,6	7,6	7,0		20,85	
39	A070	Trần Thanh Phương	Nữ	01/01/1990	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,6	6,7	7,2		20,50	
40	A036	Lê Thị Hường	Nữ	20/11/1985	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,2	7,0	5,9		20,48	
41	A061	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	10/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh		6,7	6,7	6,7		20,10	
42	A064	Trần Thị Thúy Hằng	Nữ	05/08/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		6,2	7,5	6,2		19,90	
43	A001	Nguyễn Văn Thắng	Nam	23/04/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	Quản trị kinh doanh		6,6	7,5	5,8		19,88	
44	A065	Nguyễn Văn Nam	Nam	20/10/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,2	5,5	7,1		19,80	
45	A018	Lò Văn Minh	Nam	02/02/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	Quản trị kinh doanh		7,0	6,8	5,1		19,43	
46	A071	Nguyễn Văn Hải	Nam	02/07/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		5,9	5,3	7,6		18,80	
47	A052	Nguyễn Thanh Châu	Nam	19/03/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		6,0	6,7	6,0		18,53	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
48	A027	Leo Đức Thịnh	Nam	10/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		5,5	6,2	6,9		18,08	
49	A010	Nguyễn Bá Vũ	Nam	04/11/1992	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		5,6	6,1	6,3		17,70	
50	A069	Hà Thị Cúc	Nữ	02/11/1984	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh		6,1	5,4	6,1		17,60	
51	A033	Lê Quang Bằng	Nam	29/10/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh		5,8	5,6	6,1		17,48	
52	A009	Đình Văn Chuyển	Nam	23/05/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Quản trị kinh doanh		5,3	6,5	6,0		17,33	
53	A004	Vũ Văn Quân	Nam	05/10/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,1	6,3	5,6		16,58	
54	A024	Lê Thị Nga	Nữ	10/08/1989	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		5,3	6,3	5,0		16,43	
55	C024	Nông Thị Hồng Vân	Nữ	25/12/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,4	8,8	9,0		25,95	
56	C010	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	17/12/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing	2NT	8,6	8,5	8,3	0,30	25,80	
57	C057	Chu Thị Hoài Anh	Nữ	23/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV3	7,8	9,4	9,3		25,73	
58	C004	Lê Minh Tân	Nam	16/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		8,2	8,5	9,1		25,50	
59	C036	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	01/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		8,3	9,3	8,0		25,43	
60	C012	Phan Tiến Dũng	Nam	09/02/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Marketing		8,6	8,6	7,8		25,20	
61	C035	Lương Hoài Sen	Nữ	11/01/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,1	8,6	8,6		25,05	
62	C065	Giảng Thị Thiên Hương	Nữ	26/04/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Marketing		8,1	8,6	8,1		24,80	
63	C068	Khúc Thị Quỳnh Như	Nữ	03/05/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		8,6	8,2	8,0		24,80	
64	C022	Dương Ngọc Trúc	Nữ	02/02/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV2	8,0	8,1	8,6	0,18	24,71	
65	C033	Đoàn Duy Khánh	Nam	11/08/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		8,1	8,6	8,1		24,68	
66	C001	Bùi Ngọc Yến Nhi	Nữ	19/04/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,6	9,0	8,6		24,60	
67	C066	Nguyễn Anh Đức	Nam	04/05/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,5	8,8	8,2		24,50	
68	C032	Đặng Thị Hương Giang	Nữ	09/01/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		8,3	7,7	8,0		24,23	
69	C063	Đặng Thị Hoa	Nữ	11/06/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		8,1	7,9	8,0		24,00	
70	C025	Vũ Thị Hường	Nữ	21/09/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		7,7	8,4	8,2		24,00	
71	C067	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	15/12/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		8,8	6,5	8,5		23,80	
72	C014	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	19/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		7,9	8,3	7,6		23,78	
73	C026	Hoàng Kim Dung	Nữ	05/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		8,1	7,8	7,5		23,63	
74	C015	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	09/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		7,7	8,2	7,8		23,55	
75	C037	Huỳnh Hải Đăng	Nam	17/02/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		8,0	8,1	7,2		23,48	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
76	C051	Hồ Minh Hiếu	Nam	21/08/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Marketing		7,4	7,2	8,6		22,95	
77	C062	Nguyễn Trọng Hiên	Nam	24/09/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,0	7,9	8,0		22,90	
78	C027	Đặng Lê Anh	Nam	05/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,2	8,0	8,1		22,88	
79	C023	Trần Thị Lan Anh	Nữ	06/02/1996	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,6	8,1	7,1		22,80	
80	C058	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	10/11/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,7	7,8	7,2		22,80	
81	C003	Đặng Ngọc Khánh	Nam	18/12/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		7,3	7,4	8,3		22,73	
82	C050	Đỗ Thị Oanh	Nữ	12/12/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,1	5,2	8,3		22,28	
83	C011	Vũ Phong Phú	Nam	07/04/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,1	8,3	8,8		21,98	
84	C018	Hoàng Khánh Ly	Nữ	06/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,3	7,6	6,9		21,83	
85	C021	Lương Thị Như Quỳnh	Nữ	12/09/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Marketing		7,4	7,1	7,2		21,83	
86	C020	Trần Ngọc Mai	Nữ	28/12/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,1	7,1	7,5		21,60	
87	C048	Nguyễn Vũ Hải Đăng	Nam	30/04/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing	KV3	6,8	7,5	7,3		21,30	
88	C019	Đỗ Xuân Tình	Nam	30/07/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Marketing		7,0	7,7	6,5		21,15	
89	C002	Đỗ Việt Hoàng	Nam	19/01/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,0	5,6	8,0		20,70	
90	C064	Lê Huy Sơn	Nam	07/03/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,0	7,0	6,3		20,30	
91	C049	Vũ Sơn Tùng	Nam	07/05/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,3	6,7	6,2		19,13	
92	C059	Phùng Thị Linh	Nữ	06/01/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		5,3	7,1	7,1		18,60	
93	C034	Trần Quang Hưng	Nam	20/04/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,0	6,0	6,6		18,45	
94	C031	Mai Trung Hiếu	Nam	24/10/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Marketing		5,5	5,9	7,5		18,30	
95	C013	Quảng Văn Giang	Nam	12/03/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Marketing		5,2	7,3	6,3		18,00	
96	I058	Nguyễn Hoàng Nguyệt Linh	Nữ	19/05/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Thương mại điện tử		9,2	8,9	9,3		27,45	
97	I041	Nguyễn Văn Anh	Nam	24/02/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		9,0	8,2	8,3		25,88	
98	I024	Lê Trọng Linh	Nam	07/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử	KV3	8,8	8,0	8,4		25,50	
99	I030	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	04/07/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Thương mại điện tử		8,7	8,7	7,4		25,13	
100	I050	Phan Quang Vinh	Nam	12/09/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử	2NT	8,0	8,3	8,3	0,36	24,81	
101	I045	Vũ Ngân An	Nữ	24/07/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,9	8,2	8,4		24,30	
102	I005	Mai Thị Hải Yến	Nữ	21/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Thương mại điện tử		8,3	8,0	7,4		24,00	
103	I070	Vũ Thái Nam	Nam	09/06/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Thương mại điện tử		7,8	7,6	8,5		23,90	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
104	I022	Chu Phương Anh	Nữ	28/02/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Thương mại điện tử		8,0	7,3	8,2		23,63	
105	I063	Đỗ Nguyễn Thu Uyên	Nữ	01/04/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,1	8,6	8,7		23,63	
106	I006	Đoàn Thanh Chiêu	Nam	22/02/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Thương mại điện tử		8,4	7,7	6,9		23,55	
107	I025	Lê Thị Hậu	Nữ	16/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		7,7	8,3	7,6		23,48	
108	I042	Lê Văn Trung	Nam	10/12/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Thương mại điện tử		8,1	7,8	7,1		23,33	
109	I037	Đỗ Đức Anh	Nam	08/04/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,0	7,3	7,6		23,18	
110	I051	Giàng Thị Thuý Trang	Nữ	18/05/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	Thương mại điện tử	KV2	7,4	7,7	7,9	0,23	23,03	
111	I029	Đinh Thị Nguyễn Chủ	Nữ	28/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Thương mại điện tử		7,8	7,5	7,6		23,03	
112	I035	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	06/05/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử		7,7	7,5	7,8		23,03	
113	I004	Vũ Ngọc Linh	Nam	10/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử	KV3	7,7	7,3	7,9		22,95	
114	I043	Nguyễn Thị Hào	Nữ	21/01/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,6	7,8	7,5		22,88	
115	I066	Lê Hoàng Thảo Nguyên	Nữ	18/07/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk	Thương mại điện tử		7,4	7,2	8,4		22,80	
116	I003	Trần Hải Yến	Nữ	04/10/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử		7,1	7,8	8,4		22,80	
117	I007	Đoàn Thị Thu Trang	Nữ	08/08/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,3	6,8	6,9		22,73	
118	I044	Đinh Thị Ánh Ngọc	Nữ	16/09/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Thương mại điện tử		7,7	8,0	6,8		22,65	
119	I068	Vũ Chu Việt Long	Nam	16/12/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Thương mại điện tử		7,3	8,3	7,1		22,50	
120	I049	Phạm Xuân Phước	Nam	20/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Thương mại điện tử		8,1	6,9	6,8		22,43	
121	I069	Lê Trọng Nghĩa	Nam	13/05/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Thương mại điện tử		7,9	7,1	7,0		22,43	
122	I002	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	31/07/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Thương mại điện tử	2NT	7,5	5,9	8,0	0,57	22,25	
123	I067	Nguyễn Bá Hoàng Minh	Nam	12/01/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		6,7	7,8	8,1		21,98	
124	I064	Nguyễn Thanh Vân	Nữ	29/01/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,6	8,1	8,0		21,98	
125	I059	Trần Văn Đức	Nam	30/12/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Thương mại điện tử		7,3	6,6	7,8		21,75	
126	I016	Nguyễn Minh Việt	Nam	20/09/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,3	6,4	7,8		21,60	
127	I020	Trần Quang	Nam	29/09/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Thương mại điện tử		7,0	7,1	7,3		21,30	
128	I026	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	17/07/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử		6,7	7,4	7,3		21,08	
129	I061	Đỗ Thị Thủy	Nữ	10/03/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Thương mại điện tử		6,4	7,0	7,4		20,40	
130	I057	Linh Thị Ánh	Nữ	19/10/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Thương mại điện tử	KV1	6,1	6,3	6,7	1,09	19,99	
131	I021	Đinh Viết Khanh	Nam	22/04/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử		7,0	6,5	5,9		19,80	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
132	I031	Hoàng Thị Thuý	Nữ	16/11/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Thương mại điện tử		6,0	6,4	7,0		19,05	
133	I062	Hồ Trung Hiếu	Nam	28/07/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Thương mại điện tử		5,9	6,0	6,7		18,38	
134	I001	Hoàng Khắc Khang	Nam	06/04/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		5,7	6,7	6,4		18,38	
135	I036	Phạm Mạnh Hồng	Nam	01/09/1994	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Thương mại điện tử		5,0	7,6	6,8		18,30	
136	I010	Cao Đức Chính	Nam	19/10/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,6	5,1	6,1		18,30	
137	I013	Dương Văn Long	Nam	13/05/1992	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		5,7	6,0	6,4		17,85	
138	LQ001	Nguyễn Lan Tường	Nữ	24/05/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	9,1	9,9	9,0		27,83	
139	LQ012	Nguyễn Hoàng Đạt	Nam	20/01/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	9,5	8,7	9,2		27,68	
140	LQ009	Nhữ Thị Trang	Nữ	16/12/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,1	9,1	9,2		27,38	
141	LQ017	Phạm Ngọc Dũng	Nam	10/12/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,0	8,6	9,2		26,85	
142	LQ74	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	01/08/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,1	8,6	8,3		26,33	
143	LQ071	Lê Hữu Hoàng Giang	Nam	11/02/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,2	8,7	7,5		25,95	
144	LQ011	Phan Thị Lan Anh	Nữ	30/11/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,0	8,0	8,4		25,80	
145	LQ043	Nguyễn Minh Đức	Nam	07/11/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,7	8,6	8,4		25,80	
146	LQ049	Phùng Thị Thảo	Nữ	17/04/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	9,0	8,2		25,80	
147	LQ048	Phạm Thị Ngân Hà	Nữ	20/02/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	8,0	8,7		25,13	
148	LQ079	Phan Lê Duy Bảo	Nam	30/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	8,6	8,5		25,10	
149	LQ046	Đặng Thị Thơ	Nữ	08/04/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,3	8,7	8,9		24,15	
150	LQ034	Vũ Hồng Sơn	Nam	16/06/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	8,4	8,0		24,00	
151	LQ019	Nguyễn Duy Nhất	Nam	26/12/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	8,2	7,7		23,78	
152	LQ059	Nguyễn Tuệ Đức	Nam	25/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,2	8,4		23,70	
153	LQ007	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	21/02/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	7,2	8,2		23,70	
154	LQ044	Nguyễn Văn Nhất	Nam	26/05/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,6	8,2	8,0		23,55	
155	LQ089	Nguyễn Nhân Nam	Nam	18/02/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,6	8,3	7,8		23,48	
156	LQ030	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	19/03/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	7,4	7,8		23,25	
157	LQ008	Phạm Thị Kiều Nhi	Nữ	01/11/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,1	8,1	8,3		22,95	
158	LQ021	Nông Thị Hạnh	Nữ	02/10/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	7,6	7,5		22,88	
159	LQ002	Hoàng Diệu Loan	Nữ	06/04/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	7,1	8,3		22,80	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
160	LQ047	Thái Hoàng Mạnh	Nam	24/03/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,4	8,0	7,3		22,58	
161	LQ031	Đỗ Đức Duy	Nam	21/01/1992	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	6,6	7,7		22,58	
162	LQ056	Đỗ Đức Trung	Nam	04/08/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	7,8	7,2		22,50	
163	LQ003	Mạc Hồng Nguyệt	Nữ	10/06/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	6,8	7,1		22,43	
164	LQ018	Vũ Văn Quý	Nam	22/08/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	6,5	7,4		22,28	
165	LQ013	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	25/09/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	8,0	7,9		22,28	
166	LQ060	Trần Thảo Nguyên	Nữ	09/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,8	8,0	8,0		22,20	
167	LQ082	Đỗ Thị Cẩm Nhung	Nữ	18/10/2004	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,5	7,6	8,1		22,20	
168	LQ058	Phạm Đình Hiền	Nam	25/03/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	7,8	7,6		21,90	
169	LQ069	Nghiêm Xuân Hà	Nam	29/11/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	7,6	7,5		21,83	
170	LQ020	Đinh Tiến Đức	Nam	09/07/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	6,9	7,4		21,53	
171	LQ057	Triệu Thị Hiếu	Nữ	10/09/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,7	7,8	7,1		21,23	
172	LQ068	Nguyễn Văn Tú	Nam	11/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,1	6,9	7,0		21,08	
173	LQ067	Nguyễn Văn Tân	Nam	27/08/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	6,1	7,3		20,85	
174	LQ081	Phạm Trung Dũng	Nam	14/10/1990	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	6,9	6,4		20,80	
175	LQ033	Lê Thanh Hương	Nữ	24/11/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,4	7,7	7,2		20,78	
176	LQ022	Vũ Minh Đức	Nam	31/08/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	6,8	7,0		20,70	
177	LQ045	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	29/04/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	7,1	6,5		20,70	
178	LQ010	Phùng Thị Huyền Thư	Nữ	10/12/2002	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	6,0	7,1		20,63	
179	LQ078	Đinh Thanh Tùng	Nam	17/06/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,8	7,1	7,4		20,30	
180	LQ055	Phùng Thị Vân Anh	Nữ	14/09/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,3	7,3	6,2		19,58	
181	LQ005	Nguyễn Quang Tú	Nam	22/09/1991	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,2	7,9	5,7		19,50	
182	LQ072	Bùi Minh Đạt	Nam	28/01/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,5	6,9	8,0		19,43	
183	LQ050	Trần Thị Hiền	Nữ	08/10/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,2	6,0	7,4		19,35	
184	LQ061	Phạm Thái Học	Nam	11/08/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,5	5,6	6,7		18,98	
185	LQ070	Nguyễn Đình Quý	Nam	24/01/2005	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,5	6,9	6,2		18,08	
186	LQ080	Dương Thị Hà	Nữ	10/08/1993	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,5	5,1	6,4		18,00	
187	LQ029	Phạm Hà Tuyên	Nam	06/11/1992	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,1	5,2	6,1		17,63	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
188	LQ032	Linh Thị Thu Thanh	Nữ	30/01/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,0	6,2	6,4		16,95	
189	LQ006	Chánh Văn Diễm	Nam	01/09/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,1	6,1	6,0		16,73	
190	P007	Vũ Thành Nam	Nam	02/01/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Luật kinh tế		9,4	8,9	9,3		27,75	
191	P038	Cao Thị Thuỳ Linh	Nữ	09/10/2001	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Luật kinh tế		8,0	9,1	7,9		24,75	
192	P003	Nguyễn Văn Hiền	Nam	21/02/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		8,8	7,2	8,0		24,60	
193	P025	Nguyễn Hương Giang	Nữ	02/04/2006	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	8,0	7,5	7,9		23,55	
194	P026	Vũ Huy Hoàng	Nam	04/04/1999	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		7,7	7,9	8,0		23,48	
195	P004	Trần Minh Huy	Nam	09/06/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,2	8,1	8,2		23,03	
196	P027	Vũ Thị Ngọc Dung	Nữ	21/05/1998	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Luật kinh tế		7,6	7,3	6,9		22,05	
197	P042	Nguyễn Hà Trang	Nữ	09/05/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Luật kinh tế		6,9	7,4	6,8		21,10	
198	P029	Nguyễn Thị Hồng Thi	Nữ	15/11/2003	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Luật kinh tế		6,6	7,5	7,3		21,00	
199	P001	Trần Thị Diệu Linh	Nữ	17/01/1997	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Luật kinh tế		6,7	7,4	6,1		20,18	
200	P028	Nguyễn Văn Thao	Nam	17/01/1983	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Luật kinh tế		7,0	6,7	5,9		19,95	
201	P013	Quản Thúy An	Nữ	25/10/1991	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		6,1	6,5	6,7		19,05	
202	P034	Phạm Hoàng Nam	Nam	15/03/2000	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		6,5	6,5	5,1		18,45	
203	P033	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	13/01/1984	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Luật kinh tế		5,8	5,7	6,2		17,63	
204	P012	Nguyễn Thị Vân	Nữ	15/10/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		6,0	5,0	6,5		17,63	
205	P041	Trần Hương Thảo	Nữ	08/11/1995	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Luật kinh tế		5,0	6,0	6,1		17,10	

(Danh sách gồm 205 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt